

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày 17/3/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tím

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Đình Bông, ông Hồ Quang Hiền

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nông Thị Hường, cán bộ TAND huyện Krông Nô.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Hữu, chức vụ Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2022/TLST-DS, ngày 18/10/2022, về việc “K kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-DS, ngày 02/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-DS, ngày 21/02/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng S Việt Nam**

Địa chỉ: Số 169, phố Đ, phường L, quận M, Tp. Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông **Dương Quyết Th**, c/v: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Thái H**, C/v: Giám đốc Ngân hàng S phòng giao dịch huyện K.

Người được ủy quyền lại: Ông **Đinh Văn Dũng**, C/v: Phó giám đốc Ngân hàng S phòng giao dịch huyện K – Có mặt

Bị đơn: Anh **Phạm Văn L**, sinh năm 1986 – Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Ngô Thị H** – Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn J, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2022 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 18/10/2022), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn – ông **Đinh Văn D** trình bày:*

Ngày 27/3/2019 Ngân hàng S Việt Nam - PGD K ký kết hợp đồng tín dụng số 6600000714934083 với hộ anh Phạm Văn L, theo đó Ngân hàng cho hộ gia đình anh L (Người thừa kế quyền, nghĩa vụ là chị Ngô Thị H) vay số tiền gốc là 30.000.000 đồng, theo chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo; thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/ lần với số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất là 8,25%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 130%, thời hạn trả nợ cuối cùng: Ngày 07/3/2022.

Trong quá trình vay hộ anh Phạm Văn L chỉ thanh toán được số tiền lãi là 2.027.627 đồng, số tiền lãi phát sinh chưa thanh toán là 8.565.373 đồng (tạm tính đến 17/3/2023) và không thanh toán được khoản tiền gốc nào. Do anh L, chị H không thanh toán được nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh L thanh toán tuy nhiên gia đình anh L không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngân hàng đã chuyển số nợ gốc đến hạn sang nợ quá hạn, tính mức lãi suất quá hạn là 130% lãi suất cho vay.

Tại phiên tòa, Ngân hàng S Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Văn L, chị Ngô Thị H phải có nghĩa vụ liên đới để thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 38.565.373 đồng, cụ thể:

Số tiền nợ gốc là: 30.000.000 đồng;

Số tiền lãi trong hạn từ ngày: 27/3/2019 đến ngày 17/3/2023: 30.000.000 đồng x 9%/năm x 1.076 ngày = 7.296.164 đồng. Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là: 7.296.164 đồng – 2.027.727 đồng = 5.268.437 đồng.

Số tiền lãi quá hạn từ ngày 08/3/2022 đến ngày 17/3/2023: 30.000.000 x 10.725% x 374 ngày = 3.296.836 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn L, chị Ngô Thị H, tuy nhiên anh L, chị H vắng mặt tại địa phương, tại phiên tòa anh chị vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; 72; 73 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về án phí: Buộc anh Phạm Văn L, chị Ngô Thị H nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng S Việt Nam – Phòng giao dịch huyện K khởi kiện ông Phạm Văn L phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số

6600000714934083 ngày 27/3/2019. Vì vậy, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn anh Phạm Văn L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị H cư trú tại thôn J, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn L, chị Ngô Thị H. Tại Biên bản xác minh của Công an xã N thể hiện, anh L, chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn J, xã N, huyện K. Tuy nhiên hiện nay anh L, chị vắng mặt tại địa phương, anh chị không thay đổi nơi cư trú, không thông báo tạm vắng tại địa phương, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Ngân hàng, vì vậy chính quyền địa phương cũng như Ngân hàng không xác định được nơi sinh sống và làm việc hiện nay của anh L, chị H.

Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 NQ số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: “*Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ “nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở” của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.*”

Điều 6:

“2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “*đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở*”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;”

Theo tài liệu chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp thể hiện, người trực tiếp vay tiền và ký kết hợp đồng tín dụng là anh Phạm Văn L. Hộ anh L vay vốn theo chương trình hộ mới thoát nghèo, theo Giấy ủy quyền ngày 16/3/2019 thì chị Ngô Thị H ủy quyền cho anh L thực hiện việc vay tiền và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng

chính sách xã hội theo quy định trước sự chứng kiến của Trưởng thôn, vì vậy chị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và có trách nhiệm liên đới cùng anh L thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Từ các phân tích và dẫn chiếu quy định của pháp luật trên thì xác định được anh L, chị H là người có nghĩa vụ đối với Ngân hàng, nhưng anh chị không thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung thỏa thuận của hai bên, hiện nay anh chị vắng mặt tại địa phương, không thông báo tạm vắng cho chính quyền địa phương, cũng không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng, vì vậy anh L, chị H có tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa anh Phạm Văn L, chị Ngô Thị H vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 6600000714934083 ngày 27/3/2019 (Hợp đồng thể hiện tại Sổ vay vốn và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay), đã xác định được Ngân hàng S Việt Nam- PGD K đã ký kết hợp đồng tín dụng với anh Phạm Văn L. Hai bên thỏa thuận số tiền vay là 30.000.000 đồng theo chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần với số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất là 8,25%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 07/3/2023.

Trong quá trình vay hộ anh Phạm Văn L chỉ thanh toán được số tiền lãi là 2.027.727 đồng, số tiền lãi phát sinh chưa thanh toán là 5.268.437 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.296.836 và không thanh toán được khoản tiền gốc nào. Tính đến ngày xét xử, ngày 17/3/2023, hộ anh Phạm Văn L còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền 38.565.373 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, lãi trong hạn là 5.268.437 đồng, lãi quá hạn là 3.296.836 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng S Việt Nam – PGD K và bên vay là anh Phạm Văn L. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 16; Điều 17; Điều 24; Điều 25 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (*Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*).

[3] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc, tiền lãi trong hạn:

[3.1] Theo Hợp đồng tín dụng số 6600000714934083 ngày 27/2/2019 (Hợp đồng thể hiện tại Sổ vay vốn và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay) thì hộ anh Phạm Văn L vay số tiền là 30.000.000 đồng với thời hạn vay là 36 tháng, thời điểm trả nợ cuối cùng là ngày 07/3/2023. Số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng.

[3.2] Tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 16/3/2019, khoản 3 phân phê duyệt của Ngân hàng thể hiện lãi suất cho vay là 8,25%/năm. Trong quá trình vay anh L chỉ thanh toán được số tiền lãi là 2.027.727 đồng. Số tiền lãi trong hạn từ ngày 27/3/2019 đến ngày 7/3/2022: 30.000.000 đồng

$x 8,25\%/năm \times 1076 \text{ ngày} = 7.296.164 \text{ đồng}$. Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là: $7.296.164 \text{ đồng} - 2.027.727 \text{ đồng} = 5.268.437 \text{ đồng}$; Số tiền lãi quá hạn từ ngày 08/3/2022 đến ngày 17/3/2023: $30.000.000 \times 10,725\% \times 374 \text{ ngày} = 3.296.836 \text{ đồng}$.

Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng S Việt Nam đối với số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận vì vậy anh Phạm Văn L, chị Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S Việt Nam.

Buộc anh Phạm Văn L, chị Ngô Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng S Việt Nam tổng số tiền 38.565.373 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là 5.268.437 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 3.296.836 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), anh Phạm Văn L, chị Ngô Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 6600000714934083 ngày 27/2/2019 (Hợp đồng thể hiện tại Sổ vay vốn và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[2] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc anh Phạm Văn L, chị Ngô Thị H phải nộp 1.932.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

[3]*Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS H.Krông Nô;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Tím